

Bản án số: 130/2017/HSST
Ngày 29 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Hạ,
2. Ông Nguyễn Văn Đông.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Chiến - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 112/2017/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn C, sinh năm 1994 tại Hải Phòng; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn 7, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị K; Có vợ Mạc Thị L và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 05 tháng 07 năm 2017 đến ngày 11 tháng 7 năm 2017 chuyển tạm giam; Có mặt.

2. Trần Văn T, sinh năm 1991 tại Hải Phòng; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn 7, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn T và bà Tạ Thị T; Có vợ Nguyễn Thị L và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 05 tháng 07 năm 2017 đến ngày 11 tháng 7 năm 2017 chuyển tạm giam; Có mặt.

Người có nghĩa vụ liên quan: Anh Mạc Văn B, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Văn C và Trần Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 04 tháng 7 năm 2017, Tổ công tác Công an huyện Thủy Nguyên kết hợp với Trạm Cảnh sát nhân dân Quảng Thanh và Công

an xã Chính Mỹ làm nhiệm vụ phát hiện, bắt quả tang tại nhà của Mạc Văn B, sinh năm 1996 tại thôn 1, xã C, huyện T có các đối tượng Trần Văn C và Trần Văn T đang bán trái phép chất ma túy cho B và Bùi Văn T, sinh năm 1987 ở xã H, huyện T. Thu giữ trên tay trái của B 01 túi nylon bên trong chứa tinh thể màu trắng, 01 chiếc điện thoại di động; thu trên mặt ghế ngồi bên phải vị trí của C 01 túi nylon bên trong có chứa tinh thể màu trắng, 01 túi nylon bên trong có 18 vỏ túi nylon, 01 ống hút có bấm dính tinh thể màu trắng, 300.000 đồng; thu của C 01 điện thoại di động, thu của T 01 điện thoại di động. Tổ công tác đã đưa các đối tượng về trụ sở Công an xã Chính Mỹ lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang. Cùng ngày, cơ quan Công an thu giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 15G1-532.58 của Trần Văn T gửi tại nhà anh Nguyễn Công H, sinh năm 1984 trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn M, huyện T.

Tại Bản kết luận giám định số 868/KLGD ngày 06 tháng 07 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: tinh thể màu trắng chứa trong túi nylon thu của Mạc Văn B có trọng lượng 0,1506 gam, trong đó trọng lượng Methamphetamine là 0,1110 gam; tinh thể màu trắng chứa trong túi nylon thu tại vị trí của C ngồi có trọng lượng 2,1378 gam, trong đó trọng lượng Methamphetamine là 1,5471 gam; 01 ống hút nhựa thu tại vị trí của C ngồi có Methamphetamine, không đủ điều kiện xác định trọng lượng.

Tại cơ quan điều tra, Trần Văn C, Trần Văn T khai nhận: C và T là bạn nghiện ma túy, cả hai nhiều lần chung tiền cùng nhau đi mua ma túy về sử dụng và bán lại cho người nghiện khác để kiếm lời. T là người trực tiếp giao dịch, đi mua ma túy của đối tượng nam thanh niên có tên là T (không xác định căn cước, lai lịch) ở khu vực thị trấn M, huyện T. Loại ma túy T, C bán là Methamphetamine, giá bán tùy theo lượng tiền khách hàng mua. Từ ngày 30 tháng 6 năm 2017 đến ngày 04 tháng 07 năm 2017, C và T đã nhiều lần mua ma túy về bán lại cho nhiều người nghiện cụ thể như sau: Lần thứ nhất: Ngày 30 tháng 06 năm 2017, C một mình đến khu vực đường tàu nội thành Hải Phòng mua của một người đàn ông không quen biết 200.000 đồng ma túy đá mang về bán cho Mạc Văn B và Bùi Văn T tại khu vực Đình N, thôn 1 xã C, huyện T với giá 300.000 đồng, C được lãi 100.000 đồng. Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 02 tháng 07 năm 2017, C và T cùng nhau đi mua 2.000.000 đồng ma túy đá (C góp 1.400.000 đồng, T góp 600.000 đồng). T cầm tiền đến mua ma túy của T rồi mang về đưa cho C, cả hai cùng nhau sử dụng một ít, còn lại chia thành 05 gói nhỏ. Số ma túy này, C đưa cho T 02 gói để T bán cho Dương Văn V, sinh năm 1994 ở thôn 11 xã C, huyện T 01 gói với giá 300.000 đồng và để bán cho 01 đối tượng nghiện không quen biết 01 gói với giá 200.000 đồng. Còn lại 03 gói, C tiếp tục bán cho B và Bùi Văn T 01 gói với giá 300.000 đồng và 02 người không quen biết 02 gói ma túy đá giá 600.000 đồng. Tổng số tiền C và T bán ma túy là 1.400.000 đồng (trong đó T bán được 500.000 đồng, C bán được 900.000 đồng). C là người cầm tiền, C trả cho T 700.000 đồng (bao gồm 600.000 đồng tiền gốc và 100.000 đồng tiền lãi). Lần thứ ba: Khoảng 10 giờ ngày 04 tháng 07 năm 2017, C và T tiếp tục chung tiền đi mua ma túy, C góp 1.100.000 đồng, T góp 600.000 đồng. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 15G1-532.58 chở C đi mua ma túy. Khi cả hai đến khu

vực xã N, C ngồi chờ ở quán nước, còn T đến gặp T mua 1.600.000 đồng ma túy đá và xin T một ít vỏ túi nylon để đóng gói. T đưa cho T 1.100.000 đồng, nợ lại 500.000 đồng. Sau đó, T đến nhà anh Nguyễn Công H gửi xe mô tô rồi thuê xe ôm của người không quen biết quay lại chỗ C đang đợi để đi bán ma túy cho B và Bùi Văn T 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng. Cả hai đến nhà B, T đưa ma túy và túi nylon cho C để C sẽ ma túy bán cho B. Hai bên vừa giao ma túy, nhận tiền xong thì bị công an bắt quả tang cùng vật chứng.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng mua ma túy của C, T gồm Bùi Văn T, Mạc Văn B, Dương Văn V khai nhận phù hợp với lời khai của C và Trần Văn T như nội dung nêu trên. Anh Nguyễn Công H khai là bạn của Trần Văn T, ngày 04 tháng 7 năm 2017 T có gửi anh chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 15G1-532.58 và nói đi có việc rồi quay lại lấy sau. Anh H không biết T dùng chiếc xe trên đi mua bán ma túy.

Vật chứng của vụ án gồm: Số ma túy còn lại sau giám định, 01 túi nylon bên trong có 18 vỏ túi nylon, 01 ống hút, 03 điện thoại di động và số tiền 300.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 130/CT-VKS ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố bị cáo Trần Văn C và Trần Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận và thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn C và Trần Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, Điều 20, Điều 33, Điều 53, điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS; Xử phạt bị cáo C từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, Điều 20, Điều 33, Điều 53, điểm p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 của BLHS; Xử phạt bị cáo T từ 08 năm đến 09 năm tù; Không phạt tiền các bị cáo. Về vật chứng của vụ án, đề nghị áp dụng Điều 41 của BLHS; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS): Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định, 01 túi nylon bên trong có 18 vỏ túi nylon và 01 ống hút; tịch thu nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng thu giữ của C; truy thu của bị cáo C số tiền 1.000.000 đồng, truy thu của của bị cáo T 700.000 đồng; Tịch thu phát mại nộp sung quỹ Nhà nước 03 điện thoại di động.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo Trần Văn C và Trần Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ căn cứ kết luận: Hành vi bán chất ma túy của các bị cáo đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy

theo Điều 194 của BLHS. Bị cáo C đã bán ma túy cho cho Mạc Văn B và Bùi Văn T ngày 30 tháng 06 năm 2017, bán cho B và Bùi Văn T ngày 02 tháng 07 năm 2017; bị cáo C và T đã bán ma túy cho Dương Văn V và bán cho 01 đối tượng nghiện không quen biết ngày 02 tháng 07 năm 2017; bị cáo C và T đã bán ma túy cho cho Mạc Văn B ngày 04 tháng 07 năm 2017 là phạm tội nhiều lần nên vi phạm điểm b khoản 2 Điều 194 của BLHS. Cáo trạng số 130/CT-VKS ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố các bị cáo như đã nêu trên là đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, vi phạm các chính sách pháp luật của Nhà nước về phòng chống ma túy. Hiện nay ma túy là hiểm họa đối với con người, tác động xấu đến kinh tế, xã hội, an ninh trật tự, đạo đức, lối sống, văn hóa, hạnh phúc gia đình. Các bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy nhưng không có ý thức ngăn chặn, đẩy lùi ra khỏi đời sống xã hội mà vẫn ngang nhiên mua, bán kiếm lời và làm cho người khác mắc nghiện. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo để cải tạo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS; bị cáo T có ông nội được Nhà nước tặng thưởng Bằng khen vì có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của BLHS.

Vụ án có đồng phạm, bị cáo C thực hành tội phạm tích cực hơn, góp nhiều tiền mua ma túy hơn nên giữ vai trò chính và cao hơn vai trò của bị cáo T.

Từ phân tích trên, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo; xử phạt bị cáo C mức án cao hơn mức khởi điểm và xử phạt bị cáo T mức án bằng mức khởi điểm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về xử lý vật chứng: Số ma túy còn lại sau giám định, 01 túi nylon bên trong có 18 vỏ túi nylon, 01 ống hút là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; 03 chiếc điện thoại di động của bị cáo T, C và B đã dùng để liên lạc mua bán ma túy nên cần tịch thu phát mại nộp sung quỹ Nhà nước; số tiền 300.000 đồng thu giữ của bị cáo T là tiền dùng vào việc mua bán ma túy nên cần tịch thu nộp sung quỹ Nhà nước; Trong các lần bán ma túy, bị cáo C thu lợi được 1.000.000 đồng (lần thứ nhất được 300.000 đồng, lần thứ hai được 700.000 đồng), bị cáo T thu lợi được 700.000 đồng (lần bán thứ hai); đây là số tiền các bị cáo có được do thu lợi bất chính, cần truy thu để nộp sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với Mạc Văn B, Bùi Văn T và Dương Văn V có hành vi mua ma túy của C, T để sử dụng nhưng do lượng ma túy công an thu giữ của B, Bùi Văn T không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự và không thu giữ được ma túy của V nên Công an huyện Thủy Nguyên đã xử phạt hành chính là phù hợp pháp luật.

Các đối tượng bán ma túy cho C, T gồm người đàn ông ở khu vực đường tàu nội thành Hải Phòng và người tên T ở thị trấn Minh Đức quá trình điều tra không

xác định được căn cước lai lịch nên không có cơ sở điều tra. Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên không điều tra là phù hợp pháp luật.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 15G1-532.58, quá trình điều tra xác định được chủ sở hữu hợp pháp là của chị Trần Thị L, sinh năm 1992 ở địa chỉ thôn T, xã K, huyện T. Ngày 04 tháng 7 năm 2017 chị L cho anh Trần Văn H, sinh năm 1990 ở địa chỉ thôn 7, xã C, huyện T mượn làm phương tiện đi lại. Anh H đã cho T mượn xe nhưng không biết T dùng xe đi mua ma túy, anh H và chị L đều không liên quan đến việc T sử dụng xe đi mua bán ma túy nên Công an huyện Thủy Nguyên đã trả lại xe cho chị L sử dụng là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn C và Trần Văn T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, Điều 53, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn C 09 (Chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 05 tháng 07 năm 2017.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, Điều 53, điểm p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 05 tháng 07 năm 2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định, 01 túi nylon bên trong có 18 vỏ túi nylon, 01 ống hút; tịch thu phát mại nộp sung quỹ Nhà nước 03 chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo T, C và B; tịch thu nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng thu giữ của bị cáo T (Chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10 tháng 11 năm 2017 và Biên lai thu tiền số 0000723 ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên); truy thu của bị cáo C số tiền 1.000.000 (Một triệu đồng), của bị cáo T số tiền 700.000 (Bảy trăm nghìn đồng) để nộp sung quỹ Nhà nước.

Về lãi suất chậm thi hành án đối với khoản tiền bị truy thu: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Trần Văn C và Trần Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, người có nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày bản án được giao cho hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- PV 27 Công an thành phố Hải Phòng;
- Công an huyện Thủy Nguyên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu toà, hồ sơ;
- Trại tạm giam.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng